

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 5 - 2024

V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Công Nghĩa

2. Ông Hoàng Thanh Diện

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2024/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1983;

Nơi cư trú: Số 11, Tam Thai, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Trúc Q, sinh năm: 1991;

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn nhận ngày 27 tháng 12 năm 2023, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Trúc Q có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 15/01/2014. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau khi chị Quỳnh sinh con thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không phù hợp, không hiểu nhau nên đã sống ly thân gần 9 năm nay, không ai quan tâm

đến ai, mỗi người một nơi. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Trúc Q.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thục A, sinh ngày 01/4/2014. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng giao con cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, vì từ nhỏ đến nay con ở với chị Q, anh không cấp dưỡng tiền nuôi con, vì chị Q có đủ kinh tế để nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập cho anh T nhưng anh T không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn anh chị Nguyễn Thị Trúc Q trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân đúng như anh T trình bày. Tuy nhiên, quá trình chung sống do tính tình không hợp nên vợ chồng sống không có hạnh phúc, chị đã về nhà ngoại sống từ năm 2016 và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh T làm đơn xin ly hôn thì chị cũng nhất trí.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung như anh T trình bày. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Trúc Q. Hiện tại chị Q, bị đơn đang có hộ khẩu thường trú tại phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn anh Nguyễn Văn T. Tuy nhiên, anh T đã có Đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Trúc Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên xảy ra va chạm, tranh cãi dẫn đến không còn tình cảm. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị Q đã xảy ra mâu thuẫn, tình cảm, quan hệ vợ chồng, cuộc sống chung giữa hai bên không còn, hiện tại anh T và chị Q đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ sống chung của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn T, xử cho anh T được ly hôn chị Q là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị Trúc Q và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là Nguyễn Thục A, sinh ngày 01/4/2014. Nếu ly hôn, chị Q có nguyện vọng xin được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con, anh T cũng nhất trí giao con cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, vì từ nhỏ đến nay con ở với chị Q. Xét thấy, hiện tại cháu Nguyễn Thục A đang còn nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ. Từ khi bố mẹ ly thân cho đến nay cháu đều ở với mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, cháu Nguyễn Thục A cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ, nếu bố mẹ ly hôn. Vì vậy, để ổn định cuộc sống và học tập của cháu cần căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung Nguyễn Thục A cho chị Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị Q không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị Q trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật

Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn anh Nguyễn Văn T
2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, anh Nguyễn Văn T. Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Trúc Q
3. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Nguyễn Thực A, sinh ngày 01/4/2014 cho chị Nguyễn Thị Trúc Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con do chị Q không yêu cầu.
Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
4. Về quan hệ tài sản chung: Không xem xét.
5. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003321 ngày 23 tháng 4 năm 2024. Anh T đã nộp đủ tiền án phí.
6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án (đối với người vắng mặt).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND phường Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà